

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ  
**ĐẾN** Giờ: .....  
Ngày: .....  
Giới: .....  
Ngày: 28/3/22

Số: 07/2022/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội khóa XV về việc phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội khóa XV về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.*

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình).

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương (sau đây gọi tắt là bộ, cơ quan trung ương); các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là tỉnh) và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập, thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

## **Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Mục 1**

## **NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

### **Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách trung ương**

1. Nguồn vốn ngân sách trung ương phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương và các tỉnh, cùng với nguồn vốn ngân sách địa phương thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm tính công bằng, công khai, minh bạch và phải tuân thủ theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Quản lý nợ công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững. Bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho bộ, cơ quan trung ương và các cấp chính quyền địa phương.

3. Ưu tiên hỗ trợ cho các xã, các huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới, nhất là các xã an toàn khu (trừ các xã an toàn khu thuộc khu vực I, khu vực II, khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi đã được bố trí vốn ngân sách trung ương của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 theo các tiêu chí, hệ số ưu tiên phân bổ được quy định tại Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ), xã đạt dưới 15 tiêu chí.

4. Hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới đã đạt chuẩn nhưng mức đạt chuẩn của một số chỉ tiêu còn chưa cao để nâng cao chất lượng các tiêu chí và bảo đảm bền vững. Các tỉnh chủ động cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp để thực hiện mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu.

5. Bố trí vốn ngân sách trung ương để thực hiện các chương trình chuyên đề được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn vay vốn Ngân hàng Phát triển Châu Á (sau đây gọi tắt là Chương trình vốn vay ADB) sau khi được Quốc hội cho phép bổ sung vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; các nhiệm vụ đột xuất, phát sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong quá trình triển khai Chương trình.

6. Bố trí vốn ngân sách trung ương cho các bộ, cơ quan trung ương để thực hiện công tác quản lý chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai các nội dung thành phần của Chương trình, các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Cơ chế hỗ trợ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện Chương trình theo nguyên tắc:

a) Nguồn vốn ngân sách trung ương năm 2021 (chuyển sang thực hiện năm 2022) được tiếp tục thực hiện theo cơ chế hỗ trợ như giai đoạn 2016 - 2020 và căn cứ theo dự toán ngân sách nhà nước năm 2014, theo nguyên tắc:

Đối với các tỉnh có điều tiết về ngân sách trung ương: Không hỗ trợ vốn từ ngân sách trung ương (trừ tỉnh Quảng Ngãi).

Đối với các tỉnh nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương với mức từ 50% trở lên: Ưu tiên bố trí ở mức độ cao phù hợp với tổng số xã; xã khu vực III vùng dân tộc thiểu số và miền núi đã được phê duyệt tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ (trừ các phường, thị trấn, xã đã được cấp có thẩm quyền công nhận đạt chuẩn nông thôn mới), các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo đã được phê duyệt tại Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi chung là xã đặc biệt khó khăn).

Đối với tỉnh Quảng Ngãi và các tỉnh nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương với mức dưới 50%: Bố trí vốn ở mức thấp hơn so với nhóm nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương với mức từ 50% trở lên.

b) Nguồn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2022 - 2025, căn cứ dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, thực hiện cơ chế hỗ trợ theo nguyên tắc:

Ngân sách trung ương không hỗ trợ các tỉnh có điều tiết về ngân sách trung ương (trừ tỉnh Quảng Nam, tỉnh Quảng Ngãi).

Ngân sách trung ương chỉ hỗ trợ các tỉnh nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương và tỉnh Quảng Nam, tỉnh Quảng Ngãi, trong đó: Ưu tiên hỗ trợ các tỉnh miền núi, Tây Nguyên, các tỉnh còn lại nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương từ 60% trở lên.

**Điều 4. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương năm 2021 (chuyển sang thực hiện trong năm 2022)**

1. Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các tỉnh theo đối tượng xã

Hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các tỉnh thực hiện Chương trình (căn cứ số xã tính đến hết năm 2021) như sau:

a) Xã đặc biệt khó khăn: Hệ số 4,0.

b) Các xã đạt từ 15 tiêu chí trở lên: Hệ số 1,3.

c) Các xã còn lại, không thuộc đối tượng ưu tiên nêu trên (bao gồm cả các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, để tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí và đạt chuẩn bền vững): Hệ số 1,0.

2. Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các tỉnh thuộc đối tượng ưu tiên

Hệ số phân bổ cho các tỉnh nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương và tỉnh Quảng Ngãi (căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2014 và số xã tính đến hết năm 2021 của từng địa phương):

a) Các tỉnh có tỷ lệ nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương dưới 50% và tỉnh Quảng Ngãi: Hệ số 1,0.

b) Các tỉnh có tỷ lệ nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương từ 50% trở lên: Hệ số 1,2.

**Điều 5. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2022 - 2025**

1. Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các tỉnh theo đối tượng xã

Hệ số phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các tỉnh thực hiện Chương trình (căn cứ số xã tính đến hết năm 2021, trừ các xã đặc biệt khó khăn) như sau:

a) Xã đạt dưới 15 tiêu chí, các xã an toàn khu chưa đạt chuẩn nông thôn mới: Hệ số 5,0.

b) Xã đạt từ 15 đến 18 tiêu chí: Hệ số 3,0.

c) Xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: Hệ số 1,0.

2. Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các tỉnh theo đối tượng huyện

a) Căn cứ mục tiêu phấn đấu của các địa phương, hỗ trợ cho mỗi tỉnh tối đa không quá 02 huyện chưa đạt chuẩn (không bao gồm các huyện nghèo đã được phê duyệt tại Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022

của Thủ tướng Chính phủ) để tập trung hoàn thành các tiêu chí huyện nông thôn mới và phấn đấu đạt chuẩn giai đoạn 2021- 2025: Hệ số phân bổ cao gấp 4 lần so với các xã dưới 15 tiêu chí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

b) Đối với các đơn vị cấp huyện còn lại phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2021 - 2025, các tỉnh chủ động bố trí vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các xã, vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp để thực hiện theo quy định.

### 3. Tiêu chí, hệ số phân bổ cho các tỉnh thuộc đối tượng ưu tiên

Hệ số phân bổ cho các tỉnh nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương và tỉnh Quảng Nam, tỉnh Quảng Ngãi (căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022; số xã tính đến hết năm 2021, trừ các xã đặc biệt khó khăn, của từng địa phương):

a) Các tỉnh có tỷ lệ nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương từ 60% trở lên: Hệ số 0,3.

b) Các tỉnh miền núi (bao gồm các tỉnh: Hà Giang, Tuyên Quang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Lào Cai, Yên Bái, Thái Nguyên, Bắc Kạn, Phú Thọ, Bắc Giang, Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Bình Phước), Tây Nguyên (bao gồm các tỉnh: Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng): Hệ số 0,5.

c) Các tỉnh có tỷ lệ nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương dưới 60 % và tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi: Chỉ áp dụng tiêu chí, hệ số phân bổ cho tỉnh theo đối tượng xã được quy định tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này.

### 4. Tiêu chí phân bổ cho các chương trình chuyên đề

Tiêu chí phân bổ vốn cho các chương trình chuyên đề được xác định dựa vào các mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung thực hiện và tổng nguồn vốn ngân sách trung ương của từng chương trình chuyên đề được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, bảo đảm phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật hiện hành.

### 5. Tiêu chí phân bổ cho Chương trình vốn vay ADB

Tiêu chí phân bổ vốn cho Chương trình vốn vay ADB được xác định dựa trên các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ đã được quy định cụ thể tại Hiệp định vay vốn giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Ngân hàng Phát triển châu Á, các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1467/QĐ-TTg ngày 02 tháng 11 năm 2018, số 758/QĐ-TTg ngày 19 tháng 6 năm 2019 về

việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình vốn vay ADB; các văn bản của Bộ Y tế phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi và quyết định đầu tư Chương trình vốn vay ADB theo quy định. Trường hợp nguồn vốn nước ngoài của Chương trình vốn vay ADB được Quốc hội cho phép tăng thêm ngoài tổng nguồn vốn ngân sách trung ương của Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt, nguồn vốn ngân sách trung ương sẽ được bổ sung cho các tỉnh theo các tiêu chí, hệ số phân bổ quy định tại Quyết định này.

## **Điều 6. Định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương**

### **1. Định mức phân bổ vốn cho các bộ, ngành và các tỉnh:**

Căn cứ vào tổng mức vốn ngân sách trung ương của Chương trình được cấp có thẩm quyền giao và các nguyên tắc, tiêu chí, hệ số phân bổ được quy định tại Quyết định này để phân bổ cho các tỉnh; phân bổ vốn cho các bộ, cơ quan trung ương để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

### **2. Định mức phân bổ vốn tại các tỉnh:**

Căn cứ tổng mức vốn được hỗ trợ từ ngân sách trung ương được cấp có thẩm quyền thông báo và điều kiện thực tế của từng tỉnh, Ủy ban nhân dân các tỉnh xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ, phương án phân bổ vốn, phương án lồng ghép các nguồn vốn theo quy định để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trên địa bàn trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định, đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp địa bàn, phạm vi, đối tượng đầu tư với Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, để phấn đấu hoàn thành các mục tiêu của Chương trình đã được phê duyệt, cụ thể:

a) Đối với kế hoạch vốn đầu tư phát triển: Căn cứ vào mục tiêu phấn đấu thực hiện Chương trình đến năm 2025 và điều kiện thực tế, các tỉnh xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn cho các huyện, xã bảo đảm tổng mức vốn đầu tư phát triển phân bổ cho các xã, huyện trong cả giai đoạn 2021 - 2025 được thực hiện theo các nguyên tắc ưu tiên hỗ trợ quy định tại khoản 3 Điều 3 của Quyết định này; bố trí vốn thực hiện các chương trình chuyên đề; Chương trình vốn vay ADB (nếu có); hỗ trợ thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Đối với kế hoạch vốn sự nghiệp hỗ trợ từ ngân sách trung ương: Căn cứ vào hướng dẫn thực hiện các nội dung thành phần của Chương trình, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án phân bổ kinh phí hỗ trợ cụ thể cho các cấp (tỉnh, huyện, xã), các ngành để triển khai hiệu quả nguồn vốn được giao và hoàn thành các mục tiêu, theo thứ tự ưu tiên như sau:

Bố trí vốn để triển khai, thực hiện ở cấp tỉnh và cấp huyện đối với các nội dung: Nâng cao hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn, trong đó, chú trọng: Hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng nông nghiệp sinh thái, kinh tế tuần hoàn gắn với liên kết theo chuỗi giá trị; xây dựng và phát triển các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị; triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp gắn với liên kết theo chuỗi giá trị; đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với nhu cầu thị trường; thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới; nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của cán bộ các cấp và người dân về phát triển kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới; truyền thông về xây dựng nông thôn mới...; bố trí vốn thực hiện các chương trình chuyên đề; hỗ trợ thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ; Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiểu mới hiệu quả tại các địa phương trên cả nước giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; bố trí kinh phí hoạt động của cơ quan chỉ đạo Chương trình các cấp ở địa phương theo quy định. Phần vốn sự nghiệp còn lại, phân bổ trực tiếp cho các xã để thực hiện các nội dung của Chương trình ở cấp xã.

## **Mục 2**

### **QUY ĐỊNH TỶ LỆ VỐN ĐỐI ỨNG CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**

#### **Điều 7. Nguyên tắc bố trí vốn đối ứng của ngân sách địa phương**

1. Tổng vốn đối ứng từ nguồn vốn ngân sách địa phương của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2021 - 2025 bảo đảm mức quy định tại Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình.

2. Các tỉnh phải bố trí đủ vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định tại Điều 8 của Quyết định này để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã được cấp thẩm quyền phê duyệt:

a) Các tỉnh bảo đảm bố trí đúng hoặc bố trí vượt mức vốn từ ngân sách địa phương so với quy định về tỷ lệ đối ứng của trung ương sẽ được xem xét, cộng điểm thưởng trong thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021 - 2025.

b) Đối với các tỉnh không bố trí đủ vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình theo tỷ lệ quy định trong 02 năm liên tiếp sẽ không được xét thi đua khen thưởng trong thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021 - 2025.

3. Ngân sách địa phương tập trung đầu tư, hỗ trợ cho các xã, huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu, cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trong giai đoạn 2021 - 2025 theo quy định.

4. Danh sách các địa phương tự cân đối được ngân sách và tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho các địa phương:

a) Đối với các tỉnh nhận hỗ trợ vốn ngân sách trung ương của Chương trình năm 2021 (chuyển sang thực hiện năm 2022): Căn cứ theo danh sách các tỉnh tự cân đối được ngân sách và tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho các địa phương theo quy định tại Nghị quyết số 61/2013/QH13 ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2014.

b) Đối với các tỉnh nhận hỗ trợ vốn ngân sách trung ương của Chương trình giai đoạn 2022 - 2025: Căn cứ theo danh sách các tỉnh tự cân đối được ngân sách và tỷ lệ hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho các tỉnh theo quy định tại Nghị quyết số 40/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội về phân bổ ngân sách trung ương năm 2022.

### **Điều 8. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương**

1. Đối với các tỉnh tự cân đối được ngân sách (trừ tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Nam): 100% nguồn vốn thực hiện Chương trình bố trí từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác trên địa bàn.

2. Đối với các tỉnh nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương và tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Nam:

a) Các tỉnh nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương từ 80% trở lên: Hằng năm, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu 5% tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho tỉnh.



b) Các tỉnh nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương từ 60% đến dưới 80%: Hằng năm, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu bằng tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho tỉnh (tỷ lệ đối ứng tối thiểu: 1:1).

c) Các tỉnh nhận hỗ trợ từ ngân sách trung ương dưới 60% và tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Nam: Hằng năm, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu gấp 1,5 lần tổng vốn ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình cho tỉnh (tỷ lệ đối ứng tối thiểu: 1:1,5).

### **Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 9. Tổ chức thực hiện**

##### **1. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:**

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương có liên quan xây dựng phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương 5 năm và hằng năm cho các bộ, cơ quan trung ương, các tỉnh để thực hiện Chương trình, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ quyết định.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương có liên quan và các tỉnh xây dựng phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương hỗ trợ các chương trình chuyên đề, Chương trình vốn vay ADB, kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất, phát sinh trong quá trình triển khai Chương trình, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp kết quả bố trí vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình 5 năm và hằng năm để báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Trưởng ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

d) Hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương, các tỉnh tổ chức triển khai kế hoạch vốn ngân sách trung ương hằng năm đã được cấp có thẩm quyền phân bổ.

##### **2. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương thẩm định và tổng hợp kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm, hằng năm, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể của Chương trình trên cơ sở đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bảo đảm phù hợp với các nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quyết định này.

### 3. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

Chủ trì, phối hợp với bộ, cơ quan trung ương có liên quan tổng hợp phương án phân bổ kinh phí sự nghiệp nguồn vốn ngân sách trung ương 5 năm và hằng năm cho các bộ, cơ quan trung ương và các tỉnh thực hiện Chương trình theo đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, bảo đảm phù hợp với các nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quyết định này.

### 4. Trách nhiệm của Bộ Y tế

Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan trung ương có liên quan xây dựng phương án phân bổ nguồn vốn nước ngoài của Chương trình vốn vay ADB theo quy định gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp chung trong kế hoạch vốn ngân sách trung ương 5 năm và hằng năm của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

5. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan trung ương được giao chủ trì các nội dung thành phần và tham gia thực hiện Chương trình

Lập kế hoạch vốn ngân sách trung ương hằng năm để triển khai các hoạt động phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn thực hiện Chương trình theo nhiệm vụ được phân công, gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp chung vào phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương hằng năm của Chương trình theo quy định.

### 6. Ủy ban nhân dân các tỉnh

Căn cứ theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương (cấp tỉnh, huyện, xã) thực hiện Chương trình tại Quyết định này, các địa phương lập kế hoạch đầu tư trung hạn (2021 - 2025) và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình; quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm thực hiện Chương trình.

## **Điều 10. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 5 năm 2022.

2. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình quy định tại Quyết định này áp dụng cho các năm ngân sách giai đoạn 2021 - 2025.

## **Điều 11. Trách nhiệm thi hành**

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này;

### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b). 110

**KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**



**Phạm Bình Minh**